

BÀN VỀ SỰ TỤ HẬU CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Việt Nam đang phấn đấu để đến những thập niên đầu thế kỷ 21 đuổi kịp các nước đang phát triển trong khu vực. Giới hạn sự so sánh giữa nền kinh tế của các nước đó với nền kinh tế Việt Nam có lẽ sẽ thiết thực hơn trong nghiên cứu và có ý nghĩa thực tiễn hơn.

I. SỰ TỤ HẬU CỦA NỀN KINH TẾ VIỆT NAM: NHỮNG DỮ LIỆU, SỰ SO SÁNH VÀ ĐÓI ĐIỀU SUY NGHĨ

a. So sánh vài chỉ số cơ bản.

b. Đói điều suy nghĩ

Bảng 1

Nước (1993)	Dân số	GDP	GDP/người	% tăng GDP 1993	1994 dự kiến	Lạm phát
Indonesia	194 triệu (+1,9%)	156 tỷ USD	803 USD	6,4%	6,5%	8,5%
Malaysia	19,6t (+2,3%)	73	3.713	7,6%	7,4%	4,6%
Singapore	2,95t (+1,4%)	56,3	19.092	6,7%	6,3%	2,5%
Hàn Quốc	44t (+0,7%)	375	8.440	6,5%	7,4%	5,5%
Đài Loan	21t (+0,1%)	251	11.900	7%	6,8%	4,3%
Thái Lan (1)	60t (+1,5%)	128	2.134	7,4%	7,6%	4,5%
Philippines	67t (+1%)	61	913	2%	4,2%	9%
Việt Nam (2)	70,79t	33.164 tỷ VND	220	7,9%		

Nguồn: (1) Nghiên cứu Kinh tế số 2 (4/1994)

(2) Niên giám thống kê 1993 (theo giá so sánh năm 1989)

Bảng 2

Nước	Năm	GDP/người USD	Cơ cấu kinh tế		
			N.nghiệp	C.nghiệp	Dịch vụ
Indonesia	1950	122	55,6	12,1	32,3
	1960	148	55,3	13,2	31,6
Malaysia	1950	352	40,2	18,9	40,9
	1960	389	40	18,9	41,1
Singapore	1950				
	1960				
Hàn Quốc	1950	165	49,5	11	39,2
	1960	236	37,5	20,5	41,9
Đài Loan	1950	270	32	24	44
	1960	372	28,3	29,1	42,6
Thái Lan	1950	138	57,2	15	27,8
	1960	185	39,8	18,5	41,7
Philippines (1)	1950	190	39	21	40
	1960	259	31,6	24,4	44
Việt Nam (2)	1992		38,2	20,2	37,2
	1993	220	36,6	20,9	38,2

Nguồn: (1) Nghiên cứu Kinh tế số 2 (4.94)

(2) Số liệu của Tổng cục thống kê năm 1992 và ước tính 1993.

Bất cứ con số thống kê nào cũng mang tính tương đối và bất cứ sự so sánh nào cũng ít nhiều mang tính khép

khểng. Nhưng dù sao các con số cũng gợi cho chúng ta đôi điều suy nghĩ.

1. Sự tụt hậu của nền kinh tế Việt

Nam so với các nước nêu trên là một thực tế không phải chứng minh. Nhưng để có ý niệm về lượng cũng cần thiết dành cho nó vài lời. Nếu lấy GDP/người của năm 1993 để so sánh, Việt Nam nói chung chỉ đạt được mức của họ năm 1960, nghĩa là đi sau họ đến trên dưới 30 năm. Cụ thể hơn, lấy Indonesia - nước có GDP/người/1993 thấp nhất trong số các nước đó (803USD), Việt Nam cũng cần phải có hàng chục năm phấn đấu mới đạt đến với điều kiện tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Việt Nam ít nhất phải đảm bảo như hiện nay và nếu như Indonesia ngưng tăng trưởng. Điều đó là không thể có vì vậy để đuổi kịp Indonesia trong khoảng thời gian đó, tốc độ của Việt Nam hàng năm còn phải cao, rất cao vượt hẳn họ mới có thể bù đắp được, rút ngắn được khoảng cách tụt hậu đang tồn tại.

2. Trong cuộc thi chạy việt dã, người trong cuộc không ai chịu chờ ai. Việt Nam đang cố gắng chạy để lấy lại thời gian đã mất, người ta cũng cố gắng chạy nhưng với nội lực mạnh hơn, hoàn cảnh bên ngoài thuận lợi hơn tích lũy được từ mấy chục năm trước. Không nói đến tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm giữa Việt Nam và các nước này bằng nhau ở tỷ lệ cao, cho dù tốc độ tăng trưởng có cao hơn, sự tụt hậu về kinh tế của Việt Nam vẫn cứ ngày càng xa hơn cả lượng và chất. Không phải chỉ là nguy cơ sự tụt hậu sẽ ngày càng xa hơn mà là một thực tế hiển nhiên đang tồn tại. Xu thế này, trong điều kiện phát triển thuận lợi nhất của nền kinh tế nước ta, còn kéo dài, ít nhất cũng trong nhiều năm trước mắt có thể thấy được. Đó là một

quy luật của muôn đời: lớn thuyền thì lớn sóng, không có gì đáng ngại khi nói thẳng ra. Vấn đề đáng ngại là không dám nhìn thẳng vào sự thật và không dám đương đầu để chiến thắng.

3. Nhìn vào bảng so sánh về cơ cấu kinh tế, năm 1993 khi mà các nước nói trên đã hoặc đang trở thành nước công nghiệp hóa thì Việt Nam vẫn là nước nông nghiệp lạc hậu và công nghiệp chỉ ở trình độ của họ vào những năm 50, 60 khi mà các nước nói trên đã và đang vào con đường trở thành một nước kinh tế công nghiệp mới thì Việt Nam còn đang chập chững đi vào giai đoạn phát triển công nghiệp có tiền lương thấp, giai đoạn mà họ đã sớm hoàn thành.

Trong cuộc chạy đua về mặt kinh tế, trước khi nói đến sản xuất ra cái gì, số lượng và chất lượng ra sao, người ta đã nghĩ ngay đến cái gốc của vấn đề là sản xuất bằng cái gì, với năng suất thế nào. Và cùng với nó là trình độ của người lao động. Vì vậy việc khắc phục tình trạng tụt hậu về kinh tế của Việt Nam, cốt lõi tùy thuộc vào tốc độ, kết quả về số lượng và chất lượng của tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước; thành quả của cuộc cách mạng kỹ thuật và công nghệ của thời đại hiện nay; thời cơ quý báu do hoàn cảnh quốc tế mang lại và do nỗ lực của chúng ta tạo ra trong những năm qua cho phép chúng ta có thể đuổi kịp các nước nói trên, ngay cả trong một thời gian không phải dài như họ đã trải qua. Tuy nhiên, cái quyết định là Việt Nam vượt qua thử thách của chính mình như thế nào?

4. Thật ra, đánh giá sự phát triển kinh tế của một nước và so sánh trình độ kinh tế của nước này với nước khác sẽ không tránh khỏi phiến diện nếu chỉ tính toán đơn thuần trên những con số. Con số là rất quan trọng nhưng những điều ẩn đằng sau những con số đó còn quan trọng hơn nhiều. Đó là muốn nói đến khía cạnh chính trị, xã hội và mối quan hệ hữu cơ giữa kinh tế, xã hội và chính trị. Có những nước phát triển rất cao về kinh tế thể hiện ở các chỉ số thống kê về kinh tế nhưng còn hàng chục triệu người đọc không thông viết không thạo, hàng vạn người không có nhà cửa. Có những nước để tích lũy ban đầu, sẵn sàng bán thanh niên làm lính đánh thuê, kinh doanh du lịch sex - tours, v.v... Và cái gì được cho là rực rỡ hơn nay sẽ hứa hẹn cái gì cho tương lai? Vì vậy khi bàn đến cái giải pháp khắc phục sự tụt hậu về kinh tế của Việt Nam cần phải đặt vấn đề trong cái tổng thể đó.

Tiến trình phát triển kinh tế ở mọi nước không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió. Mọi nước đều có những cái mạnh và cái yếu, thuận lợi khó khăn khác nhau, chịu những tác động bên trong và bên ngoài khác nhau

của từng thời kỳ lịch sử. Lịch sử đã chứng kiến không ít những trường hợp, những biểu hiện cụ thể của quy luật phát triển không đều về kinh tế.

Vì vậy, những suy nghĩ trên rất có ý nghĩa về mặt nhận thức, cũng như mặt chỉ đạo kinh tế. Khắc phục sự tụt hậu về kinh tế và đuổi kịp được họ là một việc thiên nan vạn nan nhưng không phải là không làm được nếu về mặt chỉ đạo có đường lối đúng, chiến lược và biện pháp đúng đồng thời phải tạo cho được sự hưởng ứng rộng rãi của mọi tầng lớp cơ bản trong xã hội.



Quang cảnh hội thảo

II. PHẢI LÀM GÌ?

Trên con đường khắc phục sự tụt hậu về kinh tế và phát triển kinh tế, Việt Nam đang đứng trước những thử thách khắc nghiệt đồng thời trước những thời cơ phát triển chưa từng có do vị trí địa lý, tài nguyên, lao động, do tình thế chung, do nội bộ ổn định v.v... Với những tiền đề và thực lực đó mà không thắng thì không bao giờ nữa.

Đường lối chiến lược về kinh tế-xã hội của Đảng được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã đi vào cuộc sống, đã đứng vững trước những thử thách khắc nghiệt của cuộc sống và sẽ tiếp tục hoàn thiện thêm nữa. Những thành quả bước đầu về kinh tế xã hội từ mấy năm qua là đáng mừng. Nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn còn rất mong manh, rất dễ vỡ nếu phạm phải sai lầm trong chỉ đạo thực tiễn. Trong xã hội nói chung và trong kinh tế nói riêng, các mâu thuẫn bộc lộ ra ở khắp mọi nơi, mọi lĩnh vực, lớn bé rộng hẹp, cái cũ chưa giải quyết được hết thì cái mới lại nảy sinh v.v... Trong chỉ đạo thực tiễn phải vừa học vừa làm, mò mẫm từng bước- đó là thực trạng hiện nay và là điều không tránh khỏi. Cái quan trọng là phải đảm bảo nó nằm trong phạm vi chiều rộng của đường lối của Đảng. Vì vậy hãy để việc chọn lựa những giải pháp ban đầu, những biện

pháp tinh thể cho các cơ quan điều hành.

Ở đây nên đi sâu vào những giải pháp chung cho những vấn đề cơ bản tồn tại xuyên suốt trong tiến trình khắc phục sự tụt hậu về kinh tế của Việt Nam- kể cả hiện tượng tụt hậu xa hơn nữa vẫn còn tiếp tục trong những năm trước mắt. Giải pháp chung này thấp hơn đường lối và cao hơn những giải pháp và biện pháp tinh thể. Đường lối của Đảng đã định bệnh kinh niên về kinh tế của Việt Nam và đề ra phương hướng trị bệnh, giờ đây cần có

những toa thuốc cơ bản để trị bệnh. Việc gia giảm liều lượng hoặc thêm bớt vị thuốc nào đó tùy diễn biến của con bệnh.

Bàn về những toa thuốc cơ bản đó, có mấy vị thuốc chủ yếu sau đây:

1. Giải quyết vấn đề vốn

Có bột mới gột nên hồ. Vốn có nguồn gốc: trong và ngoài nước. Vốn từ bên ngoài huy động được cho đến nay khoảng 7 tỷ USD. Có thể coi là khả quan nếu đặt nó ở những năm khởi đầu đầy khó khăn của thời mở cửa, nếu coi trong xu thế ngày càng nhiều vốn liếng đi vào khu vực sản xuất và bước mở đầu khả quan đó tạo tiền đề cho những bước nhảy vọt mới mạnh hơn, nhiều hơn trong tương lai. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài diễn ra ở tất cả các nước và trong mọi giai đoạn nhưng riêng với các nước nghèo như Việt Nam, thu hút đầu tư nước ngoài có vai trò lớn lao hơn nhiều cho việc khắc phục nhanh chóng tình trạng tụt hậu về kinh tế, tạo nên những cái hất ban đầu cho kinh tế phát triển. Nhưng mọi thứ đều phải trả giá. Cũng như các nước đang phát triển khác, Việt Nam lại càng phải trả giá đắt đỏ hơn nhiều, đó là những nguy cơ tiềm tàng không chỉ về mặt kinh tế, không phải chỉ trước mắt. Nói như vậy không có nghĩa là bỏ qua cái lợi không nhỏ trong việc thu hút mạnh mẽ vốn

đầu tư của nước ngoài mà làm sao sự trả giá ít đắt đỏ hơn, làm sao nếu không triệt tiêu được thì cũng hạn chế đến mức tối đa các hậu quả trước mắt và lâu dài có thể có.

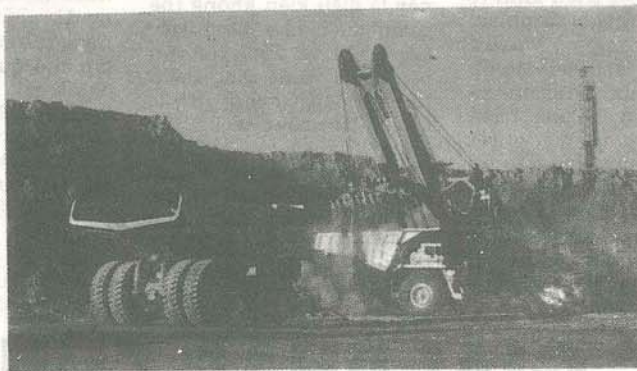
Cần có những biện pháp tổng hợp trên các lãnh vực. Trong phạm vi của hội nghị này, tôi muốn bàn về vốn ở trong nước. Vai trò của vốn trong nước trong việc tiếp thu vốn ngoài nước thể hiện ở hai mặt: tạo điều kiện tiếp thu và khai thác tốt hiệu quả của đầu tư nước ngoài, tạo sức mạnh bên trong để hạn chế các nguy cơ do đầu tư nước ngoài đem lại. Để đạt được 2 yêu cầu đó, tỷ số giữa vốn đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tùy theo từng nước và từng thời kỳ nhưng tối thiểu phải là 1/1 trở lên, ở Trung Quốc thì người ta cho là phải có tỷ số cần thiết là 5/1. Ở Việt Nam là bao nhiêu, thời gian sẽ trả lời. Chỉ biết rằng hiện nay năm 1994, Việt Nam cần khoảng 4 tỷ USD và từ đây đến cuối thế kỷ hàng năm cần có vốn đầu tư từ 4 đến 5 tỷ USD để đạt mục tiêu dự kiến tăng GDP lên gấp đôi. Vốn đầu tư trong nước cả của ngân sách và của nhân dân năm 1993 cũng không đạt đến tỷ số 1/1 so với tổng đầu tư (ngân sách khoảng 1 tỷ USD, nhân dân 0,8 tỷ), năm nay vốn đầu tư từ ngân sách còn gay go hơn. Đây là chưa nói đến việc là đa số vốn đầu tư của dân không phải trực tiếp cho sản xuất.

Huy động vốn đầu tư trong nước: vốn lấy từ ngân sách, vốn của tư nhân, tiền gởi tiết kiệm của dân không phải là vấn đề mới nhưng cho đến nay kết quả chưa được nhiều. Cần đi vào nguồn gốc gây ách tắc để có biện pháp giải tỏa mới có cơ may thành công.

Trước hết cần rà soát và đổi mới hàng loạt vấn đề đi từ chủ trương chính sách và thực hiện chính sách, tổ chức và quản lý hành chính - kinh tế - xã hội. Hiện nay vốn đầu tư trong nước chủ yếu vẫn lấy từ ngân sách. Vì vậy tăng thu bằng tận thu đúng chính sách và tiết kiệm chi để có thể dành cho đầu tư nhiều hơn có tầm quan trọng hàng đầu và cũng chính ở đây hiện nay có nhiều mắc mứu nhất.

Phần thu của nhà nước chủ yếu là thuế và lợi nhuận của kinh tế quốc doanh. Thuế mà nhà nước thu được hiện nay chỉ là phần nổi nhỏ nhoi của tảng băng trôi nổi vô định. Phần chìm

là phần lớn nhất vẫn chưa có biện pháp gì có hiệu quả để thu vào ngân sách, bị rút rĩa từ những kẻ tội phạm như bọn buôn lậu, bọn cố tình lẩn tránh nghĩa vụ công dân, từ một số người có chức có quyền trong quản lý kinh tế đòi "đầu bồi trơn". Và công khai mang hình thức hợp pháp là từ những phù thu lạm bổ, phổ biến ở mọi nơi mà không ai biết số tiền thu được chạy về đâu, cho đến cơ sở sản xuất, kinh doanh của nhà nước lập lờ với từ ngữ "nộp ngân sách" để hoặc là trốn thuế hoặc là che giấu sự làm ăn không hiệu quả của mình v.v.. Cuối cùng, những người sản xuất kinh doanh lương thiện phải gánh thêm phần đóng góp để đáp ứng nhu cầu chi của nhà nước. Đối với người sản xuất kinh doanh bằng vốn liếng của mình, mọi thứ thuế của nhà nước theo pháp định đến những món tiền phù thu lạm bổ, món tiền phải nộp mãi lộ, tất cả được xem như là thuế và



để tồn tại, đến phiên họ lại phải trốn thuế.

Trong khi đó, việc chi tiêu của nhà nước lại lãng phí nghiêm trọng, không chỉ ở trong khu vực xây dựng cơ bản mặc dù nó nổi cộm nhất hiện nay, ít nhất trong điều kiện ta có thể thấy được.

Vì vậy, lành mạnh hóa thu chi ngân sách nhà nước phải được xem là một nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, thường xuyên và lâu dài. Vốn đầu tư từ ngân sách - chiếm phần chủ yếu nhất như hiện nay hay tỷ trọng giảm đi trong tương lai - bao giờ cũng là quả đấm mạnh đi vào những trận địa then chốt về kinh tế mà không tư nhân nào làm nổi, là công cụ mạnh mẽ và tập trung chi phối đường hướng phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường.

Trong nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần kinh tế, xu thế tỷ trọng của đầu tư tư nhân ngày càng tăng và chiếm phần lớn trong tổng số vốn đầu tư trong nước. Những năm qua theo con số thống kê của Ủy ban kế hoạch nhà nước thì bước đầu mức

tăng trưởng khả quan. Nhưng sự phân bổ vốn đầu tư tư nhân có chỗ chưa hợp lý: 70% cho xây dựng nhà ở và tiện nghi gia đình, 30% cho sản xuất kinh doanh trong đó phần cho thương mại dịch vụ đứng đầu, phần cho sản xuất ít nhất. Tuy biết rằng tiền bỏ ra để tiêu dùng: xây nhà ở, tiện nghi gia đình gián tiếp thúc đẩy sản xuất phát triển, điều đáng mong muốn nhất là xu thế đổi ngược lại tức là làm sao phần càng lớn của đầu tư tư nhân được bỏ vào sản xuất trực tiếp làm ra sản phẩm nguồn gốc sức mạnh của nền kinh tế. Nhưng trong thực tế, đầu tư vào sản xuất của tư nhân đang có chiều hướng giảm mạnh. Thí dụ: đến đầu tháng 6.1994, trên địa bàn TP.HCM có 2.563 công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân đăng ký hoạt động với tổng số vốn 1.754 tỷ đồng VN thì có đến 53,8% tức 1.379 hoạt động trong thương nghiệp. Chỉ có 678 hoạt động trong công nghiệp tức chiếm 26%, giảm hẳn về số doanh nghiệp lẫn số vốn đầu tư. So sánh giữa các năm 1992, 1993 và 5 tháng đầu năm 1994 về số lượng doanh nghiệp và số vốn đầu tư cho sản xuất ta có con số tương ứng như sau: 427 doanh nghiệp với 295,5 tỷ đồng VN vốn đầu tư, 447 với 333,4 tỷ và 144 với 90,7. Gần đây ngày càng nhiều, cả trong thương nghiệp, hiện tượng bỏ sập ở các chợ. Nguyên nhân của tình trạng đó, ngoài chỗ yếu của bản thân nó có thể tự khắc phục được như quy mô nhỏ, vốn ít, kỹ thuật hạn chế nếu tư nhân dăm ba vốn đầu tư, là môi trường luật pháp và kinh tế chưa thật thuận lợi và đặc biệt là thị trường tiêu thụ hết sức khó khăn làm cho họ chưa thật sự yên tâm đầu tư và đầu tư nhiều cho sản xuất. Thị trường nội địa ngày càng mở rộng đi đôi với thu nhập của người dân dần dần tăng lên đáng lẽ là nguồn kích thích cho sản xuất phát triển thu hút nhiều đầu tư thì diễn biến ngược lại. Nhà nước chưa có, hoặc có nhưng chưa đủ những biện pháp tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam cạnh tranh và bảo vệ sản phẩm nội địa trên chính đất nước mình. Thực tế thị trường nội địa hầu như mở toang cho sự tràn ngập của ngoại hóa, do buôn lậu, trốn thuế, các dưới hình thức trợ cấp xuất khẩu của nước ngoài để xâm nhập và dần dần chi phối thị trường nội địa.

Nếu các nguyên nhân nêu trên là chính xác thì giải pháp của vấn đề thu hút mạnh mẽ đầu tư tư nhân trong nước chính là phải xóa đi nguyên nhân đó ♣

Còn một kỳ

(Tham luận trong hội nghị khoa học Các giải pháp ban đầu để khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước đang phát triển tại Đại học tổng hợp TP. HCM ngày 20.7.1994)